

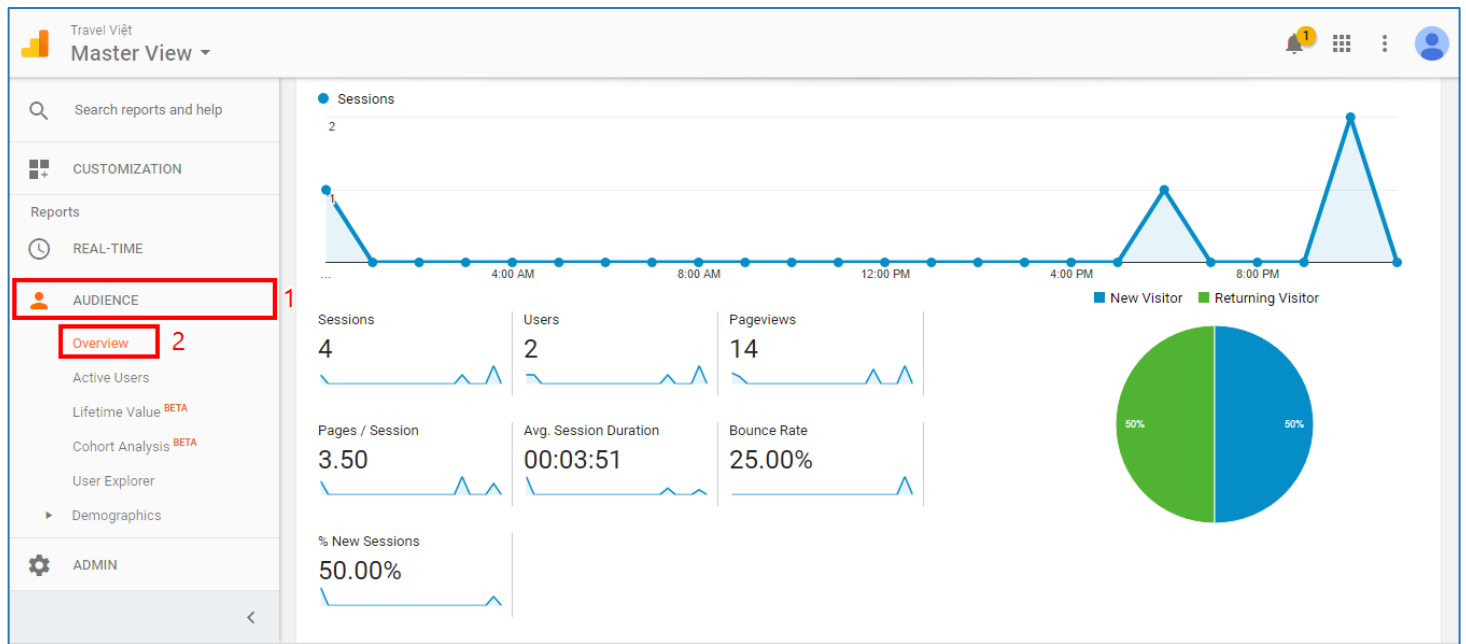
THIẾT KẾ GIAO DIỆN

BÀI TẬP ĐỒ ÁN - PA5 - GOOGLE ANALYTICS

Trả lời các câu hỏi:

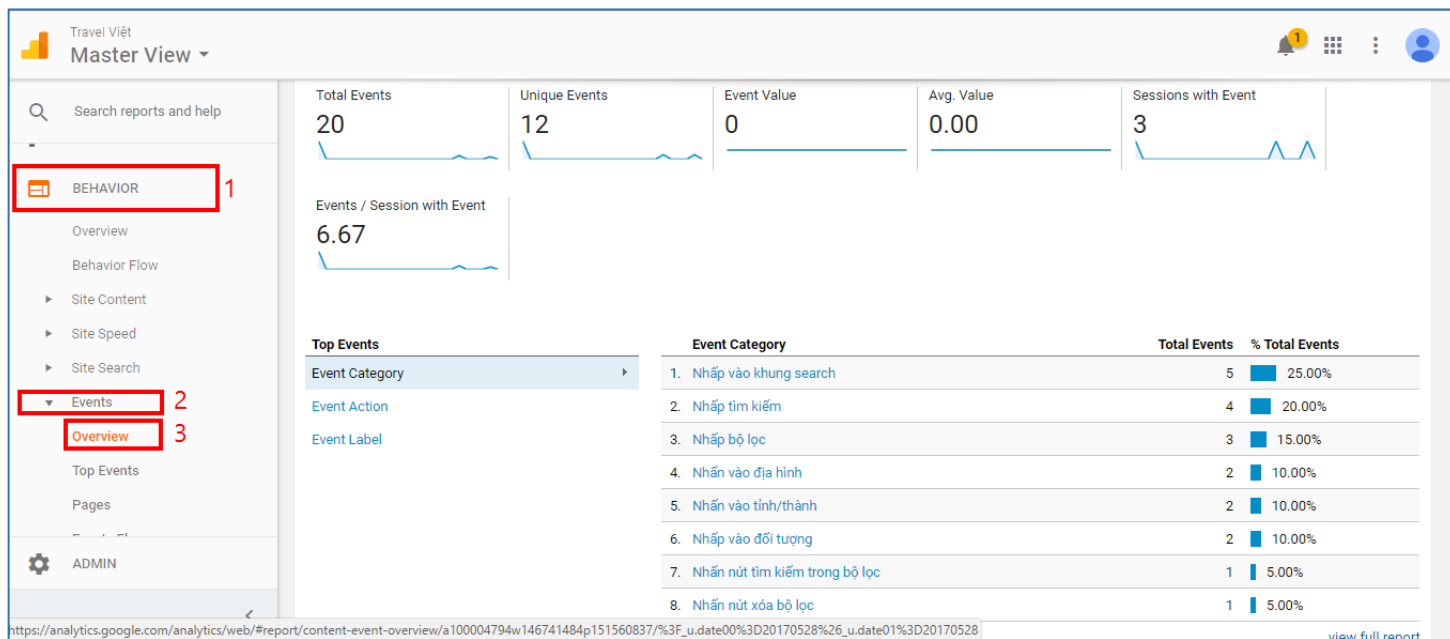
Câu hỏi 1

Để biết tổng quan số người sử dụng, số phiên làm việc, thời gian mỗi phiên, tỉ lệ thoát, số trang truy cập ta có thể xem ở mục **AUDIENCE** → **Overview**



Câu hỏi 2

Một kỹ thuật thiết kế đơn giản là xóa đi những thành phần không cần thiết. Sử dụng Google Analytics, chúng ta có thể biết được những thành phần không cần thiết bằng cách sử dụng Event Tracking, chúng ta có thể biết được người dùng hay thao tác vào đối tượng nào nhất, hay click vào đâu, qua đó ta có thể biết được những thành phần nào người dùng không chú ý đến để loại bỏ.

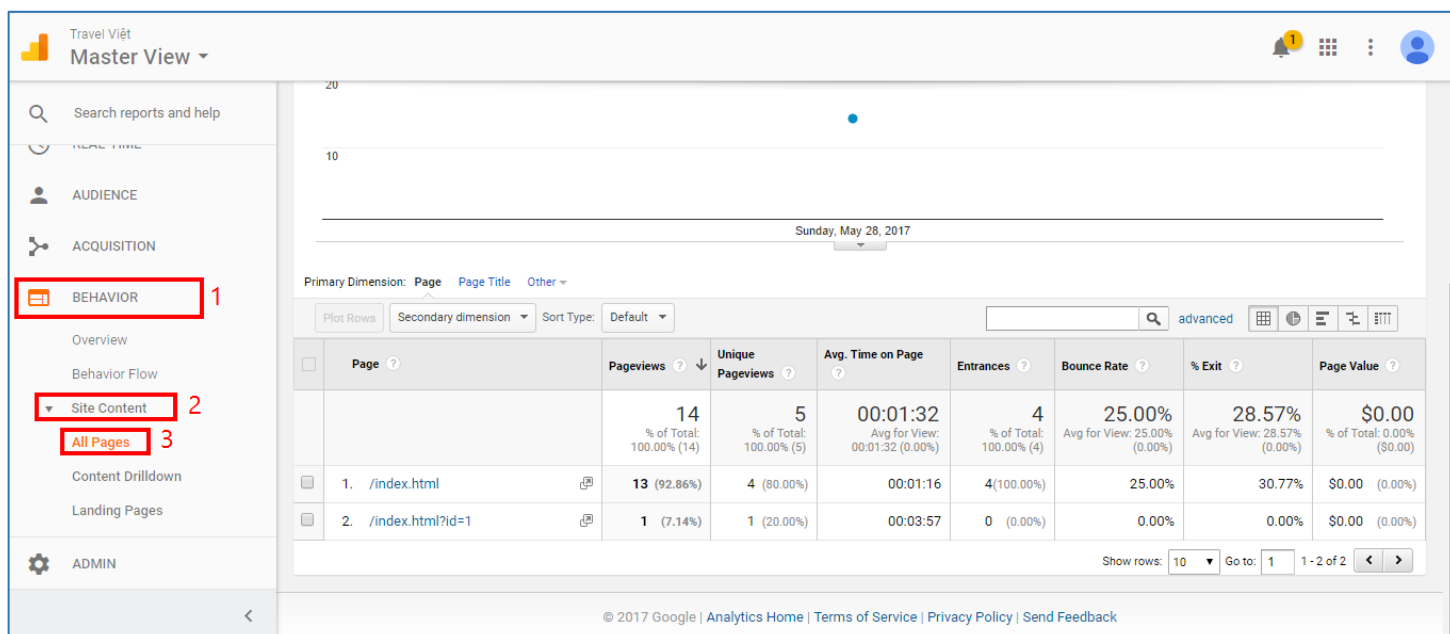


Như ví dụ ở phía trên thì chúng ta có thể biết được người xem nhấp vào khung search là nhiều nhất (5 lần), kế đến là nhấp tìm kiếm (4 lần). Thông qua báo cáo này thì chúng ta có thể biết được những control nào được người dùng ít quan tâm nhất, và từ đó có thể xem xét bỏ control đó đi.

Câu hỏi 3

Đối với trang Web, để biết người dùng vào trang web (landing page), ta có thể vào phần **BEHAVIOR** → **Site Content** → **All pages**

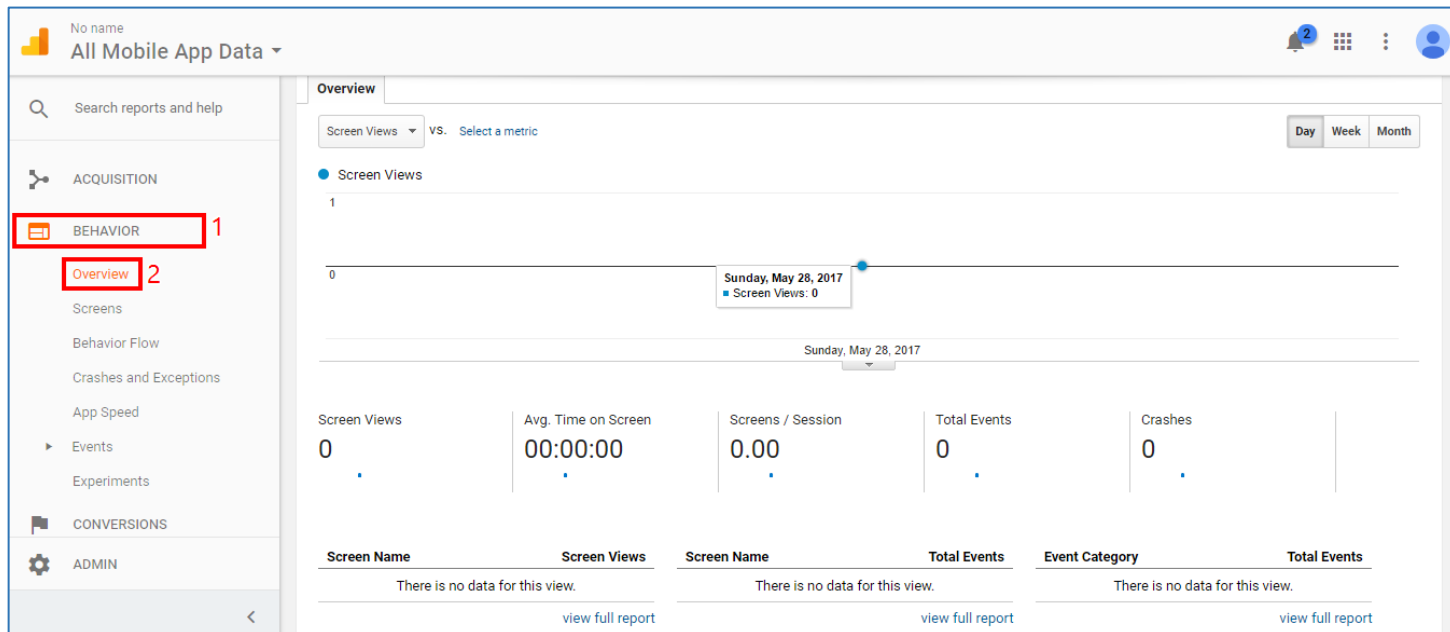
Ví dụ:



Câu hỏi 4

Đối với Mobile App, để biết người dùng xem trang nào trong app, ta có thể vào phần **BEHAVIOR** → **Overview**

Ví dụ:

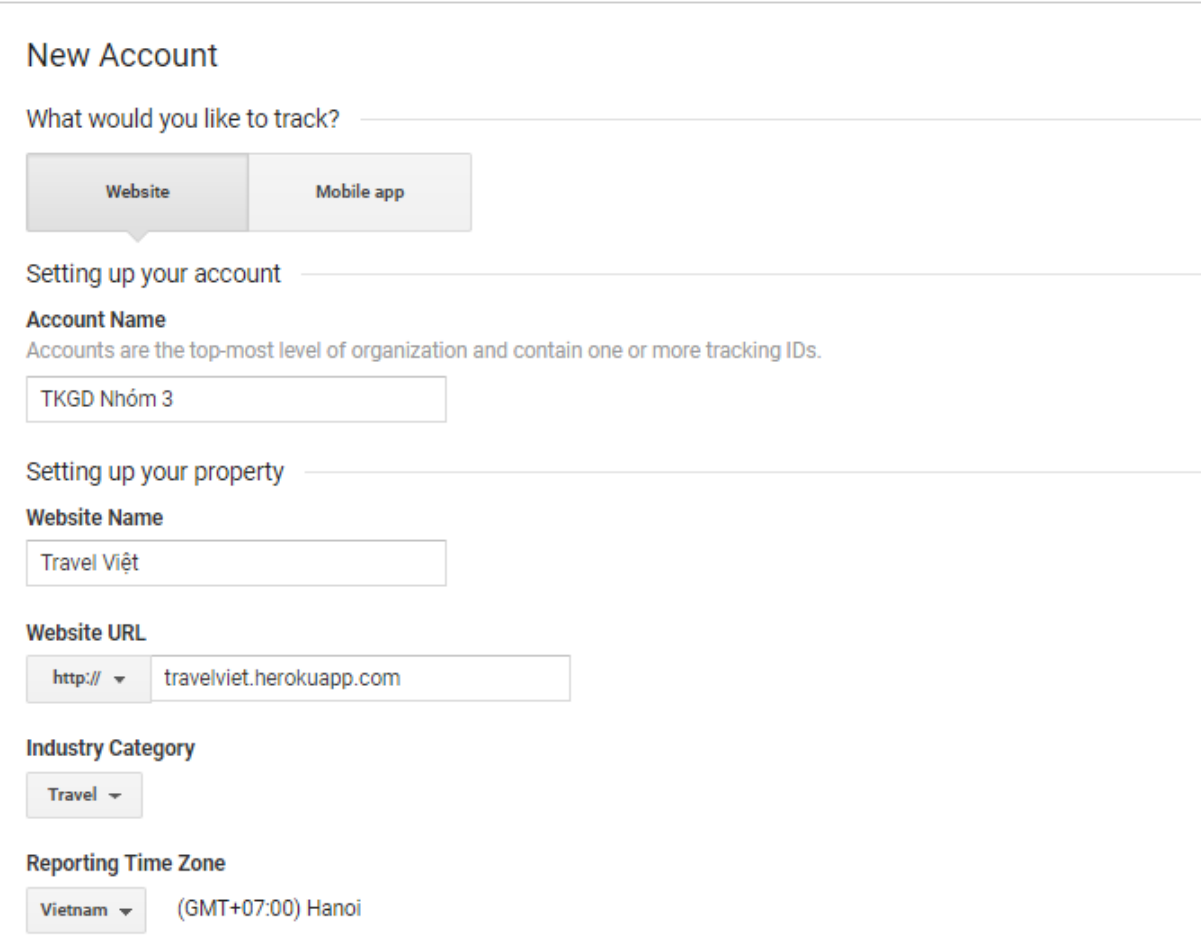


Do đồ án của nhóm 3 không thiết kế giao diện Website TravelViet cho Mobile nên không có số liệu cụ thể cho ví dụ này.

A. Hướng dẫn cài đặt Google Analytics vào đồ án nhóm

1. Đăng ký Google Analytics

- Truy cập vào trang chủ của Google Analytics tại: www.google.com/analytics . Nhấn nút **Access Google Analytics**. Đăng nhập vào bằng tài khoản Google
- Lúc này sẽ hiện ra màn hình như thế này:



The screenshot shows the 'New Account' setup page for Google Analytics. It is divided into three main sections: 'What would you like to track?', 'Setting up your account', and 'Setting up your property'.

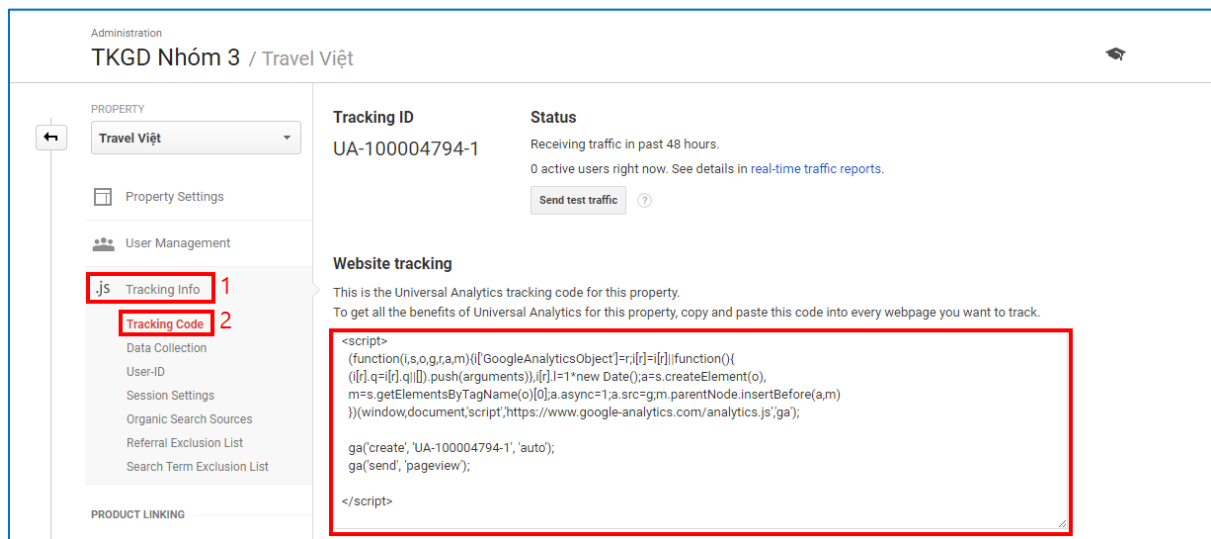
- What would you like to track?**: Two buttons are visible: 'Website' (selected) and 'Mobile app'.
- Setting up your account**:
 - Account Name**: A text box containing 'TKGD Nhóm 3'. Below it, a note states: 'Accounts are the top-most level of organization and contain one or more tracking IDs.'
- Setting up your property**:
 - Website Name**: A text box containing 'Travel Việt'.
 - Website URL**: A dropdown menu showing 'http://' and a text box containing 'travelviet.herokuapp.com'.
 - Industry Category**: A dropdown menu showing 'Travel'.
 - Reporting Time Zone**: A dropdown menu showing 'Vietnam' and '(GMT+07:00) Hanoi'.

- Phần website URL lưu ý phải nhập chính xác địa chỉ trang web. Có phân biệt giữa **http** và **https**, có **www** hay không. Nhớ xóa dấu gạch chéo (dấu "/") ở cuối
- Chọn lĩnh vực của website tại mục **Industry Category**
- Sau khi đã điền đầy đủ thì bấm Get tracking ID

2. Thêm tracking code vào website

- Lấy tracking code

- Vào **Admin**. Dưới mục **Property** chọn phần **Tracking Info**. Tiếp đó nhấn vào **Tracking code**. Giao diện trông sẽ như thế này



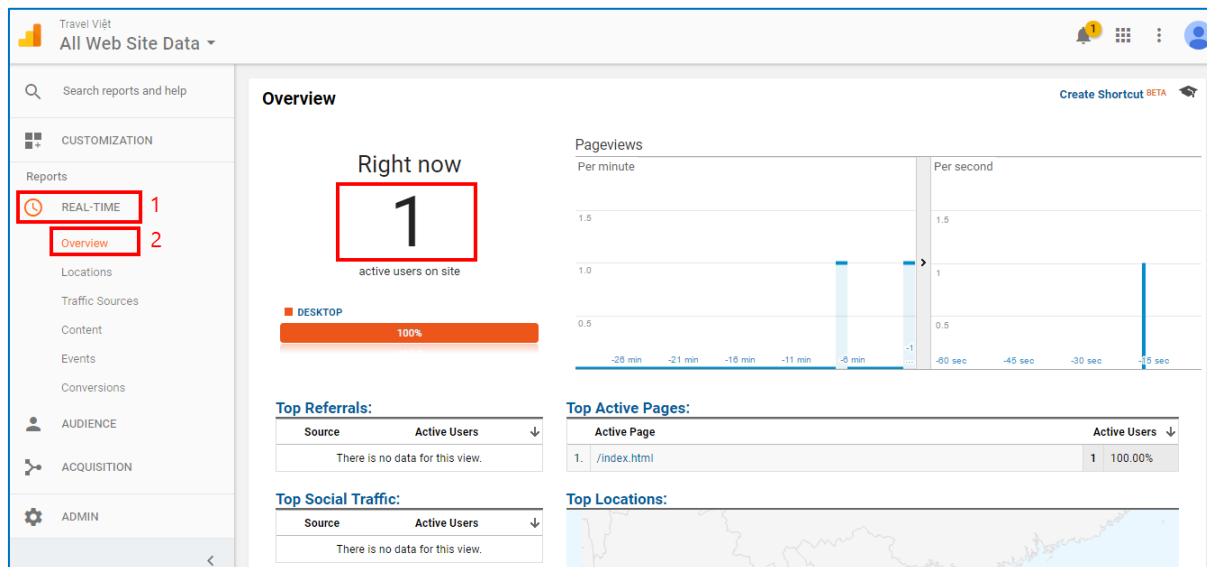
- Copy lại đoạn script để chuẩn bị cho bước tiếp theo

- Thêm tracking code vào website

- Chúng ta mở code của trang web lên, và paste script vào phần header của trang web

```
1 <!DOCTYPE html>
2 <html lang="en">
3 <head>
4     <meta charset="utf-8">
5     <!-- <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="IE=edge" -->
6     <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1">
7     <meta name="description" content="">
8     <meta name="author" content="">
9     <title>Nhóm 03 - Travel Việt</title>
10    <!-- Bootstrap Core CSS -->
11    <link href="css/bootstrap.min.css" rel="stylesheet">
12    <!-- Plugin CSS -->
13    <link rel="stylesheet" href="css/animate.min.css" type="text/css">
14    <!-- Custom CSS -->
15    <link href="css/full-width-pics.css" rel="stylesheet">
16    <!-- my css -->
17    <link href="css/style.css" rel="stylesheet">
18    <link href="css/footerstyle.css" rel="stylesheet">
19    <link href="css/font-awesome.min.css" rel="stylesheet">
20    <!-- jQuery -->
21    <script src="js/jquery.js"></script>
22    <script src="js/mustache.js"></script>
23    <script>
24        (function(i,s,o,g,r,a,m){i['GoogleAnalyticsObject']=r;i[r]=i[r]||function(){
25            (i[r].q=i[r].q||[]).push(arguments)},i[r].l=1*new Date();a=s.createElement(o),
26            m=s.getElementsByTagName(o)[0];a.async=1;a.src=g;m.parentNode.insertBefore(a,m)
27        })(window,document,'script','https://www.google-analytics.com/analytics.js','ga');
28
29        ga('create', 'UA-100004794-1', 'auto');
30        ga('send', 'pageview');
31    </script>
32 </head>
```

- Kiểm tra xem cài đặt thành công hay thất bại
 - o Sau khi public trang web lên host, ta vào thử trang web của mình để có 1 view
 - o Từ trang quản lý của Google Analytics nhấn chọn vào **REAL-TIME** , sau đó chọn tiếp **Overview**. Lúc này nếu đăng ký thành công thì sẽ hiển thị 1 người đang ghé thăm trang web như hình bên dưới:



B. Hướng dẫn thêm Event Tracking cho Google Analytics

- Event có nghĩa là: khi một người vào thăm website, người đó sẽ tương tác (Interaction). Interaction bao gồm 2 loại là Pageview và Event. Pageview được ghi nhận khi trang web tải xong xuôi. Và tất cả các tương tác không phải là Pageview thì được gọi là Event.
- Ví dụ: khi chúng ta like, share, download, play video,... thì đều được gọi là Event.
- Một Event được cấu thành bởi 4 yếu tố:
 - o Category (bắt buộc)
 - o Action (bắt buộc)
 - o Label (không bắt buộc)
 - o Value (không bắt buộc)
- Event Tracking là chúng ta sẽ ghi nhận lại các Event của người dùng.
- Đoạn code để cấu thành Event Tracking có dạng:

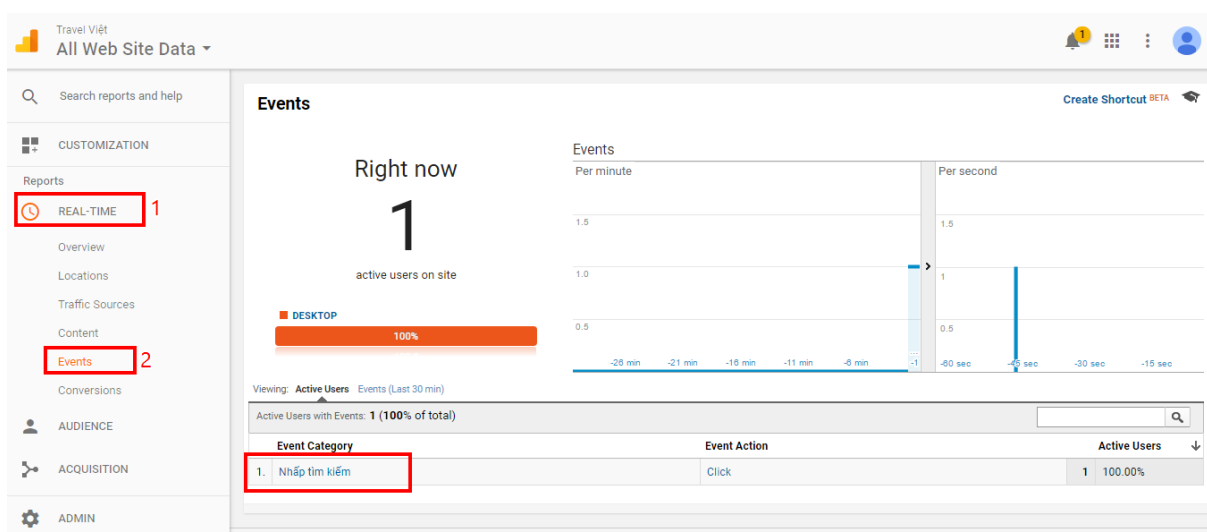
```
ga('send', 'event', [eventCategory], [eventAction], [eventLabel], [eventValue], [fieldsObject])
```

- Giải thích:
 - o Category: tất cả các Event chung Category sẽ được cho chung vào một nhóm trong báo cáo
 - o Action: hành động của người xem với Event. Ví dụ: download, click,...
 - o Label: với các Event có chung action thì ta gắn nhãn để phân biệt chúng
 - o Value: giá trị khi thực hiện Event. Ví dụ: bạn download 1 tài liệu thì phần label có thể là tên của tài liệu đó, còn value là dung lượng của tài liệu.

Ví dụ: Ta cài đặt bất sự kiện khi người dùng nhấp vào nút Tìm kiếm trên trang web, lúc đó ta sẽ thêm đoạn code như thế này vào phần nút bấm tìm kiếm:

```
<button type="button" class="btn btn-default" id="btntimkiem" onclick="ga('send', {'hitType':  
'event', 'eventCategory': 'Nhấp tìm kiếm', 'eventAction': 'Click', 'eventLabel': 'Nhấn vào nút  
tìm kiếm' });"><span class="glyphicon glyphicon-search" aria-hidden="true"></span></button>
```

- Sau khi public trang web lên, ta nhấp vào nút tìm kiếm và sau đó sang trang quản lý của Google Analytics xem kết quả
- Từ trang quản lý của Google Analytics chọn vào **REAL-TIME**, sau đó chọn tiếp **Events**



Như vậy là ta đã cài đặt xong event tracking cho sự kiện người dùng nhấp vào nút tìm kiếm.